

VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ NGƯỜI MƯỜNG Ở HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA

NGUYỄN VĂN BÀNG*
MAI VĂN TÙNG**

Bá Thước là một huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa, có diện tích tự nhiên là 771,01km², cách Thành phố Thanh Hóa 108km về phía Tây Bắc. Phía Bắc Bá Thước giáp với tỉnh Hòa Bình, phía Tây giáp với huyện Quan Hóa, Quan Sơn; phía Nam giáp với huyện Lang Chánh; phía Đông giáp với các huyện Ngọc Lặc, Cẩm Thủy và Thạch Thành. Ở vị trí địa lý này tạo thuận lợi cho Bá Thước giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội... với các địa phương khác thông qua các Quốc lộ 217, 15A và đường Hồ Chí Minh.

Huyện Bá Thước là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển từ rất sớm. Thuộc Hậu kỳ Đá cũ cách ngày nay hàng vạn năm, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy ở những hang động, mái đá hàng chục dấu tích của người nguyên thủy, tiêu biểu nhất là mái Đá Diều, mái Đá Nước, hang Làng Tráng (Lâm Xa)... Cùng với quá trình vận động và phát triển không ngừng của lịch sử, Bá Thước đã có nhiều thay đổi về địa danh. Từ thời Hùng Vương, An Dương Vương đến những năm đầu Công nguyên,

Bá Thước thuộc huyện Đô Lung của bộ Cửu Chân rồi quận Cửu Chân. Thời thuộc Đường (thế kỷ VII), Bá Thước thuộc huyện Trường Lâm. Trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần (thế kỷ X - XIV), Bá Thước có tên là Lỗi Giang, một trong 14 huyện của Thanh Hóa lúc bấy giờ. Thời Lê Sơ (1428 - 1527), Bá Thước thuộc huyện Quảng Bình, phủ Thiệu Thiên. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), thuộc châu Quan Hóa, phủ Thọ Xuân. Năm Tự Đức thứ 3 (1851), chia 4 tổng: Sa Lung, Thiết Ống, Cổ Lũng và Diên Lư thuộc châu Quan Hóa. Năm Khải Định thứ 3 (1925), 4 tổng trên được cắt chuyển để lập châu mới là châu Tân Hóa gồm 30 xã và 221 chòm. Sau Cách mạng tháng Tám, lỵ sở châu Tân Hóa đóng tại La Hán (xã Ban Công). Tháng 10-1945, châu Tân Hóa được đổi tên thành Bá Thước để ghi nhớ công lao của Cẩm Bá Thước, một thủ lĩnh người Thái quê ở Thượng Xuân trong phong trào Cần Vương chống Pháp. Tháng 3-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 148-SL, đơn vị hành chính châu Bá Thước được đổi thành

* ThS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

** TS. Trường Đại học Hồng Đức

huyện Bá Thước. Huyện Bá Thước lúc đầu có 7 xã là: Quốc Thành, Văn Nho, Thiết Ống, Hồ Diên, Quý Lương, Long Văn và Đan Công. Lỵ sở đóng tại Cành Nàng. Ngày 2-5-1964, theo Quyết định của Bộ Nội vụ, chia 5 xã Quý Lương, Hồ Diên, Long Văn, Văn Nho và Quốc Thành thành 18 xã. Năm 1965, xã Tân Lập được thành lập, năm 1984 xã Diên Lư được chia thành 2 xã Diên Lư và Diên Trung. Năm 1994, thành lập Thị trấn Cành Nàng trên cơ sở của xã Lâm Xa.

Hiện nay, Bá Thước gồm có 1 thị trấn (Cành Nàng) và 22 xã, là huyện miền núi đa tộc người, với tổng dân số là 103.449 người (năm 2007), trong đó người Mường chiếm 51%, người Thái chiếm 32%, người Kinh và một số dân tộc khác chiếm 17% dân số.

Lịch sử hình thành

Người Mường là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam. Trong đời sống, cũng như trong ý thức tự giác tộc người, đồng bào Mường tự nhận mình là *Mol*, *Mon*, *Mul*... Người Mường ở Thanh Hóa sống rải rác ở 11 huyện miền núi và một số xã miền xuôi. Tập trung đông nhất ở các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Bá Thước, Ngọc Lặc, Như Thanh.

Địa bàn cư trú của người Mường Thanh Hóa chủ yếu là vùng bán sơn địa, ven các lưu vực sông Mã, sông Chu, sông Âm, sông Cầu Chày, sông Bưởi, sông Mực. Ở khu vực này có những thung lũng lớn, đất đai màu mỡ, có những bãi bồi ven sông. Bởi vậy con người đến tụ cư từ rất lâu đời và phát triển sớm nghề nông trồng lúa nước. Bên cạnh canh tác ruộng nước người Mường còn kết hợp canh tác nương rẫy. Ngoài ra, khai thác tự nhiên như săn bắt, hái lượm, đánh cá cũng là hoạt động kinh tế giữ vị trí quan trọng trong xã hội truyền thống.

Trước kia, kể cả gần đây, người Mường ở Thanh Hoá nói chung và ở Bá Thước nói riêng vẫn nhận mình là người ở "trên Mường" để phân biệt với người ở "dưới Chợ", tức người ở dưới đồng bằng (miền xuôi) mà lâu nay người Mường quen gọi là người Kinh trong khái niệm "kinh kỳ kẻ chợ". Hoặc tự nhận là người ở Mường Khô, Mường Ống...

Theo tác giả Trần Quốc Vương và Nguyễn Dương Bình thì từ "Mường" xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ XVII. Sắc lệnh của Kinh lược sứ Bắc Kỳ Nguyễn Trọng Hiệp để ngày 2 tháng 6 năm Đồng Khánh (23-6-1888), tại điều 1 có ghi: "Lập một tỉnh gồm các đất (của dân Mường) xưa thuộc các tỉnh Hưng Hoá, Sơn Tây, Hà Nội, Ninh Bình". Đây có thể là văn bản chính thức đầu tiên của Nhà nước phong kiến Việt Nam dùng danh từ Mường để chỉ nhóm cư dân này (1).

Cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Bá Thước là địa bàn sinh tụ chủ yếu của hai dân tộc Mường và Thái. Người Mường sống tập trung chủ yếu trong 15 Mường, trong đó có 8 Mường lớn: Mường Khổng, Mường Khô, Mường Lau, Mường Ký, Mường Ống, Mường Ai, Mường Diên, Mường Không. Bảy Mường nhỏ là Mường Pa Khán, Mường Dồi, Mường Đào, Mường Dèn, Mường Rầm, Mường Âm, Mường Châu. Họ của người Mường là các họ Hà, Trương, Phạm, Cao, Quách, Lê, Bùi...

Người Mường Bá Thước thuộc nhóm Mường Trong (Mường gốc/bản địa Thanh Hóa) có đặc điểm riêng về ngôn ngữ, trang phục, phong tục so với Mường Ngoài (ở các tỉnh phía Bắc). Mường Trong được phân thành hai nhóm: Mường Ống (mường quê ngoài) và Mường Ai (mường quê nội) đều là một gốc của người Mường Trong.

Nhìn chung, Bá Thước là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển từ rất sớm, là địa bàn sinh tụ chủ yếu của hai dân tộc Mường và Thái. Trong đó, người Mường là cư dân bản địa có nền văn hoá đặc sắc. Đó là nền văn hoá thung lũng gắn liền với hoạt động kinh tế lúa nước, nương rẫy và khai thác lâm thổ sản. Ngoài ra còn lưu giữ nhiều dấu ấn văn hóa Việt cổ.

Về cấu trúc Mường

Làng xóm của người Mường thường được xây dựng ở chân đồi, chân núi, nơi đất thoải, gần sông, suối... Trước đây, mỗi làng của người Mường có khoảng vài chục nóc nhà, làng nào đông đúc thì khoảng bốn, năm chục nóc nhà. Nhìn từ xa, làng của người Mường thường ẩn mình trong những lùm cây quanh làng, nhiều nơi có những rặng tre bao bọc, nhưng ẩn tượng hơn cả là hầu hết các làng Mường được tổ điểm bằng những hàng cau cao vút.

Người Mường ở Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh nói riêng và Thanh Hoá nói chung gọi làng là *lũng* (2). Đây là đơn vị cơ sở của xã hội Mường gồm nhiều tiểu gia đình phụ quyền. Làng còn là một khối cư dân làm thành một đơn vị có đời sống riêng về nhiều mặt. Trong xã hội truyền thống (trước năm 1945), làng (*lũng*) thuộc sự quản lý của Mường. Mường (*mường*) là đơn vị tổ chức xã hội, tập hợp nhiều làng trong cùng một thung lũng, hay nhiều thung lũng liền kề nhau. Đơn vị tổ chức Mường đặt dưới sự quản lý của một dòng họ quý tộc, gọi là *làng đạo*. Cụ thể như làng Cha, làng Kế, làng Chiềng Cốc... trước năm 1945 thuộc Mường Ống, dưới sự quản lý của dòng họ Phạm Công; các làng Chiềng Triu, Chiềng Lắm, làng Cò, làng Xăm, làng Sèo... thuộc Mường Khô, dưới sự quản lý của dòng họ Hà Công (3)...

Trong xã hội truyền thống, người Mường nói chung là cư dân làm nông nghiệp, kinh tế chủ đạo là cây lúa nước, vì thế địa bàn tụ cư của họ gắn liền với hệ sinh thái thung lũng. Do đó, khi tìm đất lập Mường, người Mường chọn những khu vực thung lũng hội tụ đầy đủ các điều kiện cần thiết như có nước để sinh hoạt, sản xuất và khai thác thủy sản, đất trũng để làm ruộng, có rừng để khai thác nguồn lâm sản, có thể đất cao bằng để dựng nhà, hướng đất thoáng đãng và di lại giao lưu với các vùng lân cận phải thuận tiện.

Qua nghiên cứu khảo sát các Mường trên địa bàn huyện Bá Thước và vùng lân cận bước đầu chúng tôi thấy, thông thường một Mường cổ trước đây được cấu thành ở trong đó ít nhất 3 làng cổ định, đó là làng Chu (Chiềng), làng Ngoc (Ngọc) và làng Cốc (Gốc, Cộc). Bên cạnh 3 làng này còn có các làng khác, nhiều hay ít là tùy theo diện tích đất đai, lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của từng Mường.

Ba loại làng kể trên gắn liền với sự hình thành và tồn tại của từng Mường. Bao giờ trong một Mường cũng có những người đến định cư và lập làng đầu tiên, những làng đó thường được gọi tên là làng Cốc, có nơi sau này gọi trệch đi là Gốc hay Cộc. Nhưng Cốc, Gốc hay Cộc đều có nghĩa là gốc, là đầu tiên. Có thể liệt kê ra một số tên làng trên địa bàn huyện Bá Thước và một số khu vực của huyện Cẩm Thủy để thấy sự tương đồng:

Ở Mường Ống có làng Lũng Cộc (4) (làng Cốc), nay thuộc xã Thiết Ống.

Ở Mường Ai có làng Lũng Cộc, nay đổi tên thành làng Mốt thuộc xã Lâm Xa.

Ở Mường Khô cũng có làng Lũng Cộc, nay là một bộ phận của Làng Âm thuộc xã Điện Quang.

Ở làng Sèo xã Thiết Kế (xưa thuộc Mường Khô) có xóm Cốc, là xóm hình thành đầu tiên của làng này.

Ở xã Thành Lâm (địa bàn người Thái) có bản Cốc, giáp Mường Ai cũ của người Mường.

Ở Mường Trám (Cắm Thủy) có làng Lũng Cộc, nay thuộc xã Cắm Liên.

Ở Mường Phám (Cắm Thạch Cắm Thủy) có làng Cốc - Vàn...

Ngoài ra, một số làng của người Mường còn có tên là Cộ, Cộn gần âm với từ Cốc, tương đương với Cốc, có nghĩa là gốc.

Một loại hình làng khác trong chính thể cấu trúc là làng Ngọc, có nơi phát âm trệch đi là Ngọc. Như vậy, Ngọc hay Ngoc đều có nghĩa như nhau, theo tiếng Mường Ngoc - Ngoc có nghĩa là nguồn. Nguồn ở đây để chỉ nguồn nước. Bởi vì, người Mường là cư dân quen sống ở vùng thung lũng có truyền thống trồng lúa nước lâu đời nên khi chọn đất lập mường bao giờ họ cũng đặt yếu tố nước lên hàng đầu. Do đó phải chọn những nơi thuận lợi về nguồn nước để sinh hoạt và lấy nước sản xuất. Vì vậy, những làng sống ở đầu nguồn nước là những làng có lịch sử định cư lâu đời, nên người Mường gọi tên là làng Ngoc để chỉ đặc điểm cư trú. Chính vì ở đầu nguồn nên vị trí của làng Ngoc thường ở những khu vực heo hút hơn, sâu hơn, và khó đi lại hơn so với những làng khác. Chúng ta có thể tìm thấy ở trên địa bàn huyện Bá Thước và ở một số khu vực lân cận như Cắm Thủy, Ngoc Lặc những làng mang tên Ngoc hay Ngoc cụ thể như sau:

Ở Mường Ống có Ngoc Iếng, là một khu đất thuộc làng Chiếng, nay thuộc xã Thiết Ống, huyện Bá Thước.

Ở Mường Ai có làng Lũng Ngoc, nay gọi là làng Ngoc Sinh thuộc xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước.

Ở Mường Trám có làng Lũng Ngoc, nay thuộc xã Cắm Thành, huyện Cắm Thủy.

Ở Mường Kim có làng Ngoc, nay thuộc xã Cắm Ngoc, huyện Cắm Thủy...

Qua đây chúng tôi thấy địa danh huyện Ngoc Lặc phải giải thích nó bằng ngôn ngữ bản địa Mường. Vì trong ngôn ngữ Mường, *Ngoc Raac* (*Ngoc* là nguồn, *Raac* là nước) để chỉ nguồn nước. Như vậy, Ngoc Lặc - *Ngoc Raac* phải có nghĩa để chỉ nơi có nguồn nước dồi dào thì đúng hơn.

Loại hình làng thứ ba là những làng mang tên Chu. Hiện nay dấu vết của những làng mang tên Chu khá mờ nhạt. Hầu như người dân ở đây không còn nhớ gì nhiều về những làng này. Nhưng dù sao trong cơ cấu tổ chức một mường cổ của người Mường trước đây có làng Chu. Làng Chu là nơi ở của lang đạo trong một mường. Có thể hiểu đơn giản đó là "thủ đô" của một Mường, nơi đóng đô của lang đạo trong mường. Có thể kể ra đây một số dấu vết về loại làng này trên địa bàn Bá Thước và Quan Sơn như sau:

Ở Mường Ống vốn có làng Lũng Chu, sau đổi thành làng Cha (nay thuộc xã Thiết Kế, huyện Bá Thước). Đây là nơi có địa danh đối "Lai Ly Lai Láng, có cây Chu đá lá Chu đồng, bóng thau quả thối", là địa danh được kể trong Mo sử thì *Đề đất để nước* của dân tộc Mường.

Ở Mường Ai cũng có làng Lũng Chu (nay thuộc xã Tân Lập, huyện Bá Thước) còn có tên khác là Chu San.

Ở xã Thành Lâm (đất người Thái ở hiện nay) có bản Chu, giáp Mường Ai cũ của người Mường.

Ngoài ra, còn có địa danh mường Chu - San, nay thuộc xã Sơn Thủy và Sơn Diện huyện Quan Sơn...

Sau này, những nơi ở của lang đạo đúng đầu một mường gọi là làng Chiềng. Do đó mường nào cũng có một làng Chiềng, thậm chí có mường hai làng chiềng như mường Khô có làng Chiềng Triu và chiềng Lắm đều là nơi ở của lang đạo dòng họ lang đạo Hà Công. Đây là mường duy nhất của người Mường ở Thanh Hoá nói chung và Bá Thước nói riêng có hai làng Chiềng. Theo chúng tôi và một số nhà nghiên cứu cho rằng, có lẽ địa danh làng Chu là tên gốc có lịch sử lâu đời, còn địa danh làng Chiềng xuất hiện muộn hơn sau này (rất có thể ảnh hưởng từ người Thái?). Làng Chiềng dần trở nên phổ biến hơn, cứ chỗ nào có làng Chiềng thì đó là nơi ở của lang đạo trước đây. Do vậy, vị trí của làng Chu, làng Chiềng bao giờ cũng ở những nơi trung tâm của một mường, có đồng ruộng rộng, đất đai màu mỡ, dân cư đông đúc, nhiều gia đình khá giả, di lại thuận tiện... Có thể thống kê hàng chục làng Chiềng trên địa bàn huyện Bá Thước và một số huyện lân cận như Lang Chánh, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc để thấy tính phổ biến của loại làng điển hình này.

Chiềng Ống (thuộc mường Ống, nay thuộc xã Thiết Ống, huyện Bá Thước).

Chiềng Lắm, chiềng Triu (thuộc mường Khô, nay thuộc xã Diên Lư, huyện Bá Thước).

Chiềng Ai (thuộc mường Ai, nay thuộc xã Hạ Trung, huyện Bá Thước).

Chiềng Dừa (thuộc mường Khôông, nay thuộc xã Lương Trung, huyện Bá Thước).

Chiềng Mưng (thuộc mường Tiến, nay thuộc xã Diên Thượng, huyện Bá Thước).

Chiềng Đông (thuộc mường Phám, nay thuộc xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy).

Chiềng Trám (thuộc mường Trám, nay thuộc xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy).

Chiềng Vong (thuộc mường Vong, nay thuộc xã Cẩm Giang và Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy).

Chiềng Cọi (thuộc mường Cọi, nay thuộc xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy).

Chiềng Ban (thuộc mường Chánh, nay thuộc xã Tân Phúc và Quang Hiến, huyện Lang Chánh).

Chiềng Khặt (thuộc mường Khặt, nay thuộc xã Đông Lương, huyện Lang Chánh).

Hay chiềng Quặc, chiềng Mèn ở huyện Ngọc Lặc...

Có thể thấy, để sinh tồn và phát triển, khi chọn đất lập làng, người Mường đã tính đến sự định cư bền vững, đất dựng làng phải đáp ứng các điều kiện sản xuất, các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như môi trường sinh thái. Thực tế cho thấy những điều kiện trên là cơ sở vững chắc để người Mường đạt đến trình độ văn minh cao: văn minh xóm làng - văn minh lúa nước.

Về thiết chế xã hội

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã hội Mường là một xã hội có đẳng cấp. Người Mường nói chung và người Mường ở Thanh Hoá nói riêng đều chịu sự thống trị của tầng lớp lang đạo.

Những kết quả nghiên cứu của nhà dân tộc học Từ Chi cho thấy trong xã hội Mường truyền thống ở Hòa Bình mỗi con người được "chính danh định phận" chặt chẽ. Quý tộc gọi là Lang, bình dân gọi là Jân (dân). Xã hội Mường là xã hội phụ quyền, trong đó quyền thế tập là quyền của con trai

trưởng. Bộ máy nhà lang được xây dựng trên nguyên tắc ấy. Con trai trưởng của chi trưởng họ Bạch Công thống trị toàn bộ thung lũng Mường Rếch gồm 12 xóm: đó là Lang Cun, gọi tắt là Cun. Lang Cun Mường Rếch (Cun Rếch) chỉ trực tiếp thống trị có 3 xóm, gọi gộp lại là Chiêng (Chiếng), tức Chiêng của Mường Rếch. Các chi thứ chia nhau thống trị các xóm khác ở ngoài phạm vi Chiêng (5).

Ở Thanh Hóa, tầng lớp thống trị đứng đầu mỗi Mường lớn là *cun*, Mường nhỏ là *lang*, mỗi Mường có nhiều làng (t thì 4 - 5 làng, nhiều thì 10, 15 làng), trong đó làng trung tâm là làng Chiêng (làng Chu), đứng đầu mỗi làng là đạo (6). Bởi vậy, tục ngữ Mường có câu "Đất cò lang, láng cò dao" (Mường có lang, làng có đạo). Đây là chế độ cha truyền con nối để cai quản đất Mường. Trên thực tế, *cun* hay *lang* chỉ trực tiếp quản lý một số làng ở trung tâm Mường, cụ thể là làng Chiêng. Lang *cun* vừa là chủ Chiêng, vừa làm chủ toàn Mường. Dòng họ lang đạo của người Mường ở Bá Thước chủ yếu là dòng họ Hà, Phạm, Lê, Cao. Về quan hệ giữa *cun* hoặc *lang* và *đạo* ngoài quan hệ dòng họ còn là hệ thứ bậc giữa ngành cả và ngành thứ, *đạo* phải tuân thủ quy chế của *cun* - *lang* hay quy chế của chiêng. Như vậy, lang đạo có quyền hành rất lớn về mặt kinh tế, hành chính và tinh thần. Về tinh thần có thể người đó là thủy tổ của dòng tộc, hoặc là người có công khai phá đất Mường. Về kinh tế thì lang đạo cai quản các làng trong Mường, ngoài ra nhân dân còn phải lao dịch không công trên những thửa ruộng rộng và tốt của nhà lang, mỗi khi nhà lang có cưới xin, ma chay, làm nhà thì nhân dân các làng phải đóng góp để lo việc cho nhà lang, hay mỗi khi đi săn về được thú lớn cũng phải biếu nhà lang. Triều đình, quan lại phong kiến và cả thực dân Pháp sau này quản lý đất

Mường đều phải thông qua tầng lớp lang đạo, còn lang đạo quản lý trực tiếp dân Mường. Đến thời nhà Nguyễn (Minh Mạng thứ 16, năm 1836) mới chính thức đặt chế độ lưu quan ở một số huyện miền núi Thanh Hoá, song thực ra chỉ thực hiện được ở 2 huyện Cẩm Thủy và Thạch Thành. Các huyện còn lại, trong đó có huyện Bá Thước, nhà Nguyễn đã hợp pháp hoá cho một số lang đạo có thế lực làm tri châu như trường hợp họ Phạm ở Ngọc Lặc, họ Lê ở Lang Chánh, họ Quách ở Như Thanh, họ Hà, họ Phạm ở Bá Thước, đối với các tổng, làng thì các lang đạo trở thành chánh tổng, lý trưởng, xã chòm. Sau Cách mạng tháng Tám (1945) chế độ lang đạo ở Thanh Hóa mới hoàn toàn được xoá bỏ.

Mặc dù có quyền hành lớn nhưng không phải là vô hạn, bởi vì bên cạnh quyền lợi lang đạo phải có nghĩa vụ đối với Mường, với dân. Phải bảo vệ dân khỏi bị cướp bóc, trộm cắp; cứu giúp dân khi bị đói do hạn hán, mất mùa và xét xử những vụ xích mích giữa những người dân trong Mường, trừng trị kẻ có tội. Nếu lang đạo nào không làm tròn nghĩa vụ là ác độc, không được lòng dân. Hội đồng quan lang có quyền phế truất lang đạo để đưa người khác lên thay hoặc đón lang đạo khác về. Hoặc sống không cần lang đạo như ở Ngọc án (Ngọc Lặc), Mường Nang (Lang Chánh) và một số nơi khác có nơi giết lang đạo ác như ở Ngọc Lặc (7).

Nhìn chung, người Mường ở Bá Thước trong xã hội truyền thống thuộc sự quản lý trực tiếp của các dòng họ lang đạo. Lang đạo có vị trí và trách nhiệm quan trọng trong việc duy trì ổn định và phát triển xã hội. Khi hòa bình lập lại (1954) chế độ lang đạo ở Thanh Hóa mới hoàn toàn được xoá bỏ.

Đời sống kinh tế

Do đặc điểm cư trú chủ yếu ở những vùng thung lũng chân núi, người Mường

lựa chọn trồng trọt và chăn nuôi làm hoạt động kinh tế chính. Các hoạt động săn bắt, hái lượm chỉ có ý nghĩa bổ trợ cho nền kinh tế tự cung tự cấp. Tài sản quan trọng của đồng bào là đất đai, rừng núi và sông suối có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Trong đó, rừng có ý nghĩa đặc biệt, nó cung cấp nguồn lương thực và thực phẩm, cung cấp gỗ để làm nhà và củi đun, nguyên liệu chữa bệnh và nhiều lâm thổ sản quý hiếm khác. Hiện nay, đời sống kinh tế của người Mường ở Bá Thước nhìn chung tương đối ổn định.

Trong xã hội truyền thống, bên cạnh công việc đồng áng, nam giới còn kết hợp tổ chức săn bắn. Săn bắn trở thành tập quán, ngoài mục đích đem lại nguồn thức ăn còn là một thú vui giải trí của giới mày râu gắn kết mối quan hệ cộng đồng. Bên cạnh việc săn bắn, người Mường còn thu lượm và khai thác cá, tôm, cua, ốc ở khe suối, đồng ruộng. Đây là nguồn dinh dưỡng rất quan trọng và cần thiết trong từng bữa ăn của gia đình.

Ngoài sản xuất kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế rừng, đồng bào ở đây còn kết hợp làm các nghề thủ công như dệt thổ cẩm, đan lát phục vụ chính đời sống sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay, một bộ phận gia đình ở đây trong thời gian rảnh rỗi chị em phụ nữ đã nhận đan cát thuê mỗi ngày thu nhập được từ 20 - 30 ngàn đồng/người đủ để phụ chi thêm nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

Vì nhu cầu cuộc sống cũng như sức ép về dân số dẫn đến một thực trạng số ruộng đất canh tác trên mỗi một nhân khẩu ít dần nên thời gian dư thừa rất nhiều. Do đó một bộ phận thanh niên trong độ tuổi lao động chưa lập gia đình đã rời làng đi vào các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam làm nghề may, giúp việc, phụ bếp, bốc vác, làm

đường... để kiếm thêm thu nhập cho bản thân và gia đình.

Đời sống tinh thần và giao lưu văn hóa

Người Mường ở Bá Thước có truyền thống chung sống hoà thuận, thương yêu đùm bọc lẫn nhau tạo nên tính cố kết cộng đồng cao. Đây là một trong những lý do chính để văn hoá Mường có sức sống trường tồn. Văn hoá dân gian của người Mường khá phong phú và đa dạng. Bên cạnh các truyện thơ như *Út Lót - Hồ Liêu*, *Nàng Nga - Hai Mối*, *Nàng Ơm - chàng Bồng Hương*, *Con Côi*... còn có kho tàng ca dao, tục ngữ Mường phản ánh cuộc đấu tranh bất khuất của con người với thiên nhiên, ca ngợi trong lao động, tình yêu, kinh nghiệm sản xuất...

Người Mường có tín ngưỡng bản địa rất đặc sắc. Hàng năm dân làng tổ chức các lễ cúng thần nước, thần đất và thần rừng để cầu mong đất trời mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, nhân khang vật thịnh...

Cồng chiêng là một trong những nhạc cụ truyền thống của dân tộc được sử dụng trong lễ tết, đón khách đến làng, mừng nhà mới, mừng thọ, cưới vợ... Hiện nay, một số làng còn giữ được hàng chục chiếc cồng, và đây vẫn là nét sinh hoạt âm nhạc chủ yếu của người Mường.

Trong nghi lễ có nhiều bài cúng, các bài mo, diễn hình như *Mo để dúi dẻ nước dùng* cho lễ lên số (thượng thọ) hay *Mo lên trời dùng cho đám ma*... Đây chính là những trường ca *Mo* đặc sắc, cũng có thể gọi *tang ca* và *lễ ca*, vì ở trong *Mo* không chứa chất nổi bi sầu mà biểu thị nhận thức về nhân sinh quan và thế giới quan đậm chất nhân văn của người Mường.

Lễ hội Pôôn Pôông được người Mường tổ chức 3 năm một lần vào tháng 3 âm lịch, phần lễ là cúng tổ nghề thuốc chữa bệnh, phần hội là cuộc hát giao duyên không chỉ

của những trai thanh nữ tú mà còn có sự tham gia của cả các cụ ông cụ bà. Đây là lễ hội đặc sắc của người Mường, thể hiện tinh thần văn sâu sắc, giáo dục ý thức tri ân và tình đoàn kết của các thành viên trong cộng đồng.

Chèo ma là một hình thức diễn xướng dân gian dùng để tiễn đưa người chết cao tuổi về cõi vĩnh hằng. Chủ yếu là diễn các trò vui như *Đánh ghen*, *Một ông hai bà*... tạo nên những động tác gây cười để làm giảm đi nỗi buồn gia chủ, anh em họ hàng làng xóm khi phải vĩnh biệt một người thân.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử người Mường đã tự trang bị cho mình truyền thống cần cù lao động, tinh thần yêu quê hương đất nước và truyền thống kiên cường bất khuất trong sự nghiệp đấu tranh chống quân xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỷ XV, nhân dân Mường ở đây đã giúp nghĩa quân Lê Lợi lập nên những chiến công quan trọng như trận Bồ Mộng - Lỗi Giang...

Trước năm 1960, huyện Bá Thước là địa bàn sinh sống chủ yếu của người Mường và người Thái. Đây là điều kiện cần bản thuận lợi để hai tộc người này giao lưu, tiếp biến và bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống ở mỗi tộc người. Có lẽ vì thế mà người Mường và người Thái ở Bá Thước nói riêng vẫn còn bảo lưu được nhiều nét văn hóa đặc trưng của mình. Điển hình cụ thể nhất đó là ngôn ngữ, ẩm thực và các phong tục tập quán khác.

Đầu năm 1965, thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị mở rộng cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên miền núi tham gia phát triển kinh tế - văn hoá. Kể từ thời gian đó một bộ phận cư dân người Kinh ở

miền xuôi di cư lên miền núi nói chung và Bá Thước nói riêng để xây dựng và phát triển vùng kinh tế mới. Trong dòng người đó, ngoài nông dân còn có cả dân công, bộ đội, giáo viên và một số gia đình ở các tỉnh phía Bắc như ở Nam Định, Thái Bình... đến đây ở và buôn bán. Thực tế cho thấy vị trí của người Kinh cũng như sự ảnh hưởng văn hóa từ người Kinh đến các tộc người bản địa ở đây là rất đáng kể. Họ có vai trò tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội - văn hoá giáo dục ở Bá Thước. Cụ thể như thâm canh tăng vụ và đa dạng cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp, mở rộng mạng lưới giao thương buôn bán, nâng cao dân trí... Chính vì vậy một lần nữa người Mường ở đây nói riêng được giao lưu, tiếp xúc văn hóa với người Kinh.

Hơn nữa, ở vị trí địa lý tương đối thuận lợi, gần kề với các trục đường Quốc lộ 217, 15A và đường Hồ Chí Minh, người Mường ở Bá Thước hiện nay càng có lợi thế trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội... với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

Hiện nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nên đời sống kinh tế, văn hoá - xã hội của đồng bào nơi đây đã có nhiều thay đổi, hoà nhập cùng với sự phát triển chung của cả nước. Mọi người ai cũng có quyền lợi, sống bình đẳng, quan hệ giữa các dòng họ trong thôn làng bền chặt đoàn kết.

Nhận xét

Bá Thước là vùng đất cổ có con người cư trú lâu đời từ Hậu kỳ Đá cũ, đá mới cho đến thời kỳ Văn hoá Đông Sơn và phát triển liên tục đến hiện nay. Đến trước Cách mạng tháng Tám, Bá Thước là địa bàn sinh tụ chủ yếu của hai dân tộc anh em Mường và Thái. Người Mường ở đây là cư dân bản địa định cư chủ yếu ở những vùng thung lũng, tạo nên nền văn hoá Mường đặc sắc. Đó là nền văn hoá thung lũng gắn liền với

hoạt động kinh tế trồng lúa nước, kết hợp với canh tác nương rẫy và khai thác lâm thổ sản. Qua nhiều đời sinh sống ở vùng sinh thái thung lũng, đồng bào Mường đã đúc kết và tích lũy được vốn tri thức địa phương phong phú và đa dạng để định cư

bền vững ở vùng đất này. Những tên đất, tên làng của người Mường ở Bá Thước và những khu vực lân cận là bằng chứng sinh động và khách quan về quá trình chinh phục, khai phá, định cư bền vững từ nhiều đời ở vùng đất này.

CHÚ THÍCH

(1). Trần Quốc Vương, Nguyễn Dương Bình, "Một vài nhận xét về mối quan hệ Việt - Mường và quá trình phân hóa giữa tộc Mường và tộc Việt", Thông báo Khoa học trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Số học, tập 5, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1970.

(2). *Lúng, lũng*, hay *lụng* là cách phát âm của từng địa phương. Người Mường ở Bắc Đệ như Hoà Bình, Phú Thọ... gọi nơi cư trú của mình là *quel* hoặc *xóm*. *Quel* hay *xóm* đều có nghĩa là làng.

(3). Qua tìm hiểu được biết những dòng họ quý tộc lang đạo ở Thanh Hóa thường có tên lót đứng

liền sau tên họ là "Công", cụ thể như Hà Công, Phạm Công, Trương Công...

(4). Người Mường ở Bá Thước gọi làng là *Lúng* (cũng có thể phát âm là *Lụng, Lũng*).

(5). Nguyễn Tử Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật xuất bản, Hà Nội, 1996, tr. 63.

(6). Theo quy ước dân gian, những làng lớn người Mường thường gọi là *làng*, làng nhỏ gọi là *lũng* hoặc là *lống*.

(7). Minh Hiệu, *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1999, tr. 62.

THAM KHẢO:

(1). Vương Anh, Hoàng Anh Nhân, *Đề đất đề nước*, Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản, 1975.

(2). Charles Robequain, *Le Thanh Hóa, Etude Géographique d'une Province Annamite* Bruxelles, G. Van Oest, 1929.

(3). Chéon. C, *Notes sur les Muong de la province de Son Tay*. BEPEO, Vol V, Hanoi, 1905.

(4). Nguyễn Tử Chi, *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb Văn hóa thông tin, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật xuất bản, Hà Nội, 1996.

(5). Gouloubew. V, *Le peuple de Dong Son et les Muong*. BEPEO, Vol, Hanoi, 1937.

(6). Cao Sơn Hải, *Tục ngữ Mường Thanh Hoá*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2002.

(7). Minh Hiệu, *Tục ngữ dân ca Mường Thanh Hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1999.

(8). Jeanne Cuisinier, *Người Mường (địa lý nhân văn và xã hội học)*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1995.

(9). P. Grossin, *La province muong de Hoa Binh*, Edt, Revue Indochinoise, Hanoi, 1926.

(10). Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.

(11). Trần Quốc Vương, Nguyễn Dương Bình, "Một vài nhận xét về mối quan hệ Việt - Mường và quá trình phân hóa giữa tộc Mường và tộc Việt", Thông báo Khoa học trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Số học, tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1970.